TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch;

Bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 222/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thu K, sinh năm 1999; cư trú tại: Số nhà 323, khu 4, ấp H, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa;

- *Bị đơn:* Ông Vy Văn T, sinh năm 1994; cư trú tại: Số 17/5, khu 1, ấp H, xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu K trình bày:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu; bà và ông Vy Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh

Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 27/7/2017. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, thường xuyên chơi bời nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Ông, bà đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, cố gắng chung sống hòa hợp nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vy Văn T.

+ Về con chung: Bà và ông Vy Văn T có 01 con chung là Vy Ngọc N, sinh ngày 06/4/2016. Hiện nay cháu Ngân đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, yêu cầu giao con chung cho ông Vy Văn T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà Huỳnh Thị Thu K có nghĩa vụ đóng góp cho ông Vy Văn T số tiền cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tuy nhiên, bị đơn ông Vy Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Phần phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Thẩm quyền giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tống đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

+ Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao con chung là Vy Ngọc N, sinh ngày 06/4/2016 cho ông Vy Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà Huỳnh Thị Thu K có nghĩa vụ đóng góp cho ông Vy Văn T số tiền cấp dưỡng

nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1 Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu K khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn ông Vy Văn T có nơi cư trú tại ấp H, xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai nên xác định bà K là nguyên đơn, ông T là bị đơn và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu K có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Vy Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà K, ông T.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thu K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 27/7/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa bà K, ông T là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Thu K trình bày, trong quá trình chung sống do ông T không lo làm ăn, hay chơi bời nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Ông, bà cũng đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, cố gắng chung sống hòa hợp nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Vy Văn T đến Tòa án làm việc nhưng ông T không có mặt; Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T; Tuy nhiên, ông T không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông T không mong muốn hàn gắn tình cảm hay tiếp tục xây dựng cuộc sống chung vợ chồng với bà K; Hôn nhân của bà K, ông T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà K, ông T được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2 Về con chung: Bà K, ông T có 01 con chung là Vy Ngọc N, sinh ngày 06/4/2016. Hiện nay cháu N đang do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, bà K yêu cầu giao con chung cho ông Vy Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà K cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng; Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2023, cháu N cũng có nguyện vọng được ở với ba. Xét nguyện vọng của con chung, yêu cầu của nguyên đơn và việc cần thiết cho sự phát triển ổn định của trẻ; căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Vy Ngọc N, sinh ngày 06/4/2016 cho ông Vy Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Bà Huỳnh Thị Thu K có nghĩa vụ đóng góp cho ông Vy Văn T số tiền cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Bà Huỳnh Thị Thu K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày ông Vy Văn T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Huỳnh Thị Thu K chậm cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận như trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3 Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4 Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Huỳnh Thị Thu K phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu K với bị đơn ông Vy Văn T về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con";

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thu K được ly hôn với ông Vy Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Vy Ngọc N, sinh ngày 06/4/2016 cho ông Vy Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Bà Huỳnh Thị Thu K có nghĩa vụ đóng góp cho ông Vy Văn T số tiền cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày ông Vy Văn T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Huỳnh Thị Thu K chậm cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận như trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Huỳnh Thị Thu K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thu K phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002552 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Huỳnh Thị Thu K phải nộp tiếp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*.

4. Thi hành bản án của Tòa án: Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Trảng Bom;
- UBND xã Sông Thao.
(số 76 ngày 27/7/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thùy Trinh